

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *319*/SNV-CCHC

Quảng Bình, ngày *21* tháng 3 năm 2019

V/v thông báo triệu tập học viên lớp
bồi dưỡng kiến thức QLNN chương
trình Chuyên viên năm 2019

Kính gửi:

- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh về việc giao Kế hoạch và kinh phí tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019; Căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương và điều kiện, tiêu chuẩn, Sở Nội vụ thông báo triệu tập cán bộ, công chức, viên chức *(có danh sách được đăng tải trên website của Sở Nội vụ)* tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức QLNN chương trình Chuyên viên năm 2019, cụ thể:

1. Thời gian và địa điểm học:

- Thời gian học: 02 tháng; khai giảng vào lúc **8h00 ngày 01/4/2019** (yêu cầu học viên có mặt vào lúc **7h30** để làm thủ tục nhập học và nhận tài liệu).
- Địa điểm học: Trường Chính trị tỉnh Quảng Bình, tổ dân phố 4, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Kinh phí:

- Kinh phí mở lớp được thực hiện theo Quyết định số 852/QĐ-UBND ngày 11/03/2019 của UBND tỉnh.
- Các khoản kinh phí ăn, ở, đi lại của cán bộ, công chức, viên chức do các cơ quan, đơn vị, địa phương cử đi học chi trả theo quy định nhà nước.

Nhận được Công văn triệu tập này, đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động sắp xếp, bố trí công việc và thông báo kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị biết để nhập học theo đúng thời gian quy định. Những trường hợp không tham gia khóa học lần này, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi văn bản và thư điện tử (xuanpt.snv@quangbinh.gov.vn) về Sở Nội vụ trước ngày **26/3/2019** để thay thế, bổ sung kịp thời./.


Công văn và danh sách học viên lớp bồi dưỡng được đăng tải tại website:

<https://snv.quangbinh.gov.vn/3cms/dao-cao-boi-duong-42531.htm>

Điện thoại liên hệ: 02323844480 (gặp Đ/c Xuân)

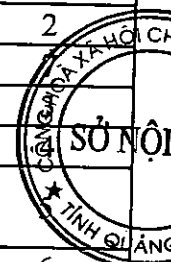
Nơi nhận:

- Như trên;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Lưu VT, CCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thế Vương

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC QLNN CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN VIÊN NĂM 2019**
(Đính kèm Công văn số 319/SNV-CCHC ngày 24/3/2019 của Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Đơn vị công tác	Lương hiện hưởng			Thời gian giữ ngạch (năm)
					Mã ngạch	Bậc	Hệ số	
1	Võ Thị Hồng Hạnh	13/3/1990	Chuyên viên	Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ	01.003	2	2,67	2
2	Nguyễn Thị Hải Yến	8/11/1981	Chuyên viên	Phòng Tài chính, Văn phòng Tỉnh uỷ	01.003	3	3,00	
3	Nguyễn Thị Nguyệt	20/04/1983	Chuyên viên	Phòng HC-CY-TD, Văn phòng Tỉnh uỷ	01.003	3	3,00	
4	Trần Thị Hoá	25/12/1980	Chuyên viên	Ban Nội chính Tỉnh uỷ	01.003	3	3,00	
5	Nguyễn Thị Diệu Linh	20/11/1988	Chuyên viên	Văn phòng Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh	01.003	2	2,67	
6	Trần Thị Thu	29/1/1988	Chuyên viên	Phòng Tổng hợp, Văn phòng HĐND tỉnh	01.003	2	2,67	6
7	Phạm Minh Thương	20/10/1987	Chuyên viên	Phòng KSTTHC, Văn phòng UBND tỉnh	01.003	1	2,34	4
8	Nguyễn Thị Hồng Mến	15/11/1989	Chuyên viên	Trung tâm Tin học - công báo, Văn phòng UBND tỉnh	01.003	1	2,67	3
9	Nguyễn Hoài Thương	8/28/1989	Chuyên viên	Phòng Bảo trợ xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	2	2,67	5
10	Nguyễn Quang Trường	10/30/1969	Phó Hiệu trưởng	Trường Trung cấp Kinh tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	15.112	4	5.02	7
11	Trương Thị Thu Hà	8/8/1973	Trưởng phòng	Phòng Hành chính Tổng hợp, TT Chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01.003	6	3,99	22
12	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	26/5/1982	Phó Trưởng phòng	Phòng TC-KT Ban QLDA ĐTXD CTGT, Sở Giao thông vận tải	01.003	5	3.66	12



KV

M

13	Lê Văn Thảo	10/3/1974	Trưởng phòng	Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	5	3,66	14
14	Đinh Văn Chi	24/02/1984	Chuyên viên	Chi cục Quản lý chất lượng NLS & TS, Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	3	3,00	9
15	Trần Xuân Vũ	01/02/1966	Chuyên viên	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	6	3,99	14
16	Phạm Xuân Tiến	30/9/1983	Chuyên viên	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT	01.003	4	3,33	11
17	Đoàn Thị Hoài An	17/01/1979	Viên chức	TT CNTT & TT, Sở Thông tin và Truyền thông	V.05.02.07	6	3,99	17
18	Mai Thị Hải Vân	16/11/1984	Chuyên viên	Phòng Doanh nghiệp KTTTIN, Sở Kế hoạch và Đầu tư	01.003	4	3,33	3
19	Phạm Thị Hải Thanh	26/07/1981	Viên chức	Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ cơ sở, Sở Khoa học và Công nghệ	13.095	4	3,33	4
20	Phạm Đăng Hải	18/01/1977	Chuyên viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	01.003	7	4,32	17
21	Lê Thị Ái	10/5/1979	Chuyên viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	01.003	5	3,66	12
22	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/10/1989	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch Tài chính Tổng hợp, Sở Công Thương	01.003	1	2,34	
23	Nguyễn Thị Hương Giang	9/8/1988	Chuyên viên	Phòng Hợp tác quốc tế, Sở Ngoại vụ	01.003	2	2,67	4
24	Nguyễn Xuân Túc	1/1/1974	Giám đốc	CN VPĐKĐĐ huyện Bồ Trách, Sở Tài nguyên và Môi trường	14.238	7	4,32	13
25	Đặng Phúc Hoài	23/4/1984	Phó Trưởng phòng	Phòng GPMB, Sở Tài nguyên và Môi trường	01.003	4	3,33	8
26	Nguyễn Trường Lâm	12/6/1988	Viên chức	Chi cục quản lý đất, Sở Tài nguyên và Môi trường	01.003	3	3,00	8
27	Trần Thị Quỳnh Nga	10/8/1988	Viên chức VTLT	Văn phòng Sở, Sở Nội vụ	V.01.02.02	2	2,41	1
28	Trần Thị Loan	30/9/1984	Chuyên viên	Thanh tra, Sở Tư pháp	01.003	4	3,33	9
29	Nguyễn Thị Minh Hương	13/11/1988	Chuyên viên	Phòng Hành chính Tư pháp, Sở Tư pháp	01.003	3	3,00	7
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/8/1986	Kế toán trưởng	Sở Du lịch	01.003	3	3,00	8
31	Phan Thị Cẩm Vân	05/5/1988	Chuyên viên	Sở Y tế	01.003	2	2,67	3
32	Nguyễn Văn Danh	28/8/1971	Trưởng phòng	Phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	06.031	7	4,32	13
33	Trần Thị Nguyệt	25/02/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế-Tổng hợp, Công ty QLHT KKT, Ban Quản lý Khu kinh tế	13.095	3	3,00	10

KM

ME

34	Phạm Minh Tuấn	4/5/1984	Phó Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, BQL DA ĐTXD Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu kinh tế	13.095	3	3,00	10
35	Nguyễn Hữu Thái	2/8/1962	Phó Giám đốc	Trung tâm Du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng, BQL VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	01.003	7	4,32	4
36	Hoàng Trung Dũng	7/8/1970	Phó Trưởng Phòng	Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	A1	7/9	4.32	22
37	Phạm Đức Thái	16/11/1974	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình		1	6,31	
38	Bùi Đức Thành	2/10/1976	Trưởng phòng	Phòng PV Ban đọc, Báo Quảng Bình	V.11.02.06	6	3,99	15
39	Nguyễn Văn Tuyền	25/11/1983	UV BTV, Chánh Văn phòng	Tỉnh Đoàn	01.003	5	3,66	8
40	Hoàng Thị Thủy	1/1/1978	Phó Giám đốc	TT Dịch vụ VL Thanh niên tỉnh	17.174	6	3,99	12
41	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/9/1972	Phó Chủ tịch	LĐLĐ huyện Lệ Thủy	01.003	7	4,32	2
42	Hồ Minh Hội	20/4/1967	Phó Chủ tịch	LĐLĐ huyện Minh Hóa	01.003	6	3,99	
43	Lê Hồng Quảng	1/1/1976	UVBTV	LĐLĐ huyện Quảng Ninh	01.003	5	3,66	
44	Phan Thị Thêm	30/9/1978	Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Ban QLDA ĐTXD Công trình DD & CN	06.031	4	3,33	
45	Võ Thị Bích Thủy	23/03/1972	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo, Hội Nông dân tỉnh	01.003	7	4,32	
46	Nguyễn Trung Thành	23/02/1980	Phó trưởng Ban	Ban Công tác xã hội - Quản lý thảm họa, Hội Chữ Thập đỏ	01.003	6	3,99	7
47	Ngô Đức Sông	18/11/1967	Chuyên viên	Văn phòng thành ủy Đồng Hới	01.003	4	3,33	8
48	Châu Thị Thanh Liễu	22/7/1980	UVBCH	Liên đoàn Lao động thành phố Đồng Hới	01.003	6	3,99	4
49	Đình Bình Du	15/7/1981	Chuyên viên	Ban Tuyên giáo huyện ủy Bố Trạch	01.003	5	3,66	9
50	Lê Thị Hải Hồng	9/11/1981	Chuyên viên	Hội LHPN huyện Bố Trạch	01.003	6	3,99	15
51	Lê Chiêu Vinh	27/3/1980	UV Thường vụ	Hội Nông dân huyện Bố Trạch	01.003	4	3,33	8
52	Nguyễn Trung Thực	9/12/1978	Chuyên viên	Phòng GD-ĐT huyện Quảng Ninh	01.003	7	4,32	2
53	Lê Minh Phương	20/02/1983	Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế thị xã Ba Đồn	01.003	4	3,33	9
54	Đỗ Thị Thanh Lâm	12/15/1976	Giám đốc	TT GD-DN Ba Đồn	V.07.05.15	8	4,65	18
55	Phạm Ngọc Toàn	20/12/1978	Phó Trưởng phòng	Phòng Y tế thành phố Đồng Hới	01.003	2	2,67	4
56	Nguyễn Văn Phương	12/3/1969	Trưởng phòng	Phòng Lao động - TBXH huyện Bố Trạch	01.003	3	3,00	1
57	Nguyễn Tăng Thái	5/7/1970	Chuyên viên	Phòng GD&ĐT huyện Bố Trạch	01.003	8	4,65	4
58	Đoàn Thái An	11/3/1973	Chuyên viên	Phòng GD&ĐT huyện Bố Trạch	01.003	7	4,32	3
59	Hồng Ngọc Hà	9/9/1986	Chuyên viên	Văn phòng UBND tỉnh	01.003	2	2,67	5
60	Nguyễn Thị Vinh	12/2/1970	Kế toán	Sở Nội vụ	06.031	5	3,66	3

KH

2/12

61	Trần Thị Nga Thủy	28/5/1975	Kế toán	Chi cục Văn thư-Lưu trữ, Sở Nội vụ	06.031	7	4,32	2
62	Nguyễn Thị Việt Hằng	24/8/1984	Viên chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	06.031	4	2,46	3
63	Lê Thị Diệu Thúy	20/4/1989	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	06.031	2	2,67	7
64	Hà Thị Thúy Nga	10/12/1989	Viên chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	06.031	2	2,67	2
65	Phạm Châu Thúy	29/10/1991	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	06.031	2	2,67	5
66	Hoàng Văn Hải	20/01/1988	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	06.031	3	3,00	1
67	Trương Thị Phương Loan	16/9/1986	Viên chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	06.031	2	2,67	6
68	Hoàng Thanh Trà	6/9/1985	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	10.226	4	3,33	2
69	Hồ An Bình	1/9/1982	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	10.226	4	3,33	2
70	Trần Trọng Bình	25/02/1982	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	10.226	3	3,00	2
71	Trần Sinh Sự	17/4/1980	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	10.226	4	3,33	2
72	Nguyễn Duy Khánh	21/03/1985	Công chức	Chi Cục Kiểm Lâm, Sở NN và PTNT	10.226	3	3,00	2
73	Lê Văn Lộc	30/4/1965	Công chức	Chi cục chăn nuôi thú y, Sở NN và PTNT	09.316	4	3,33	3
74	Lê Minh Hải	24/6/1977	Chuyên viên	Chi cục Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	01.003	5	3,66	3
75	Mai Ngọc Lợi	15/10/1975	Chuyên viên	Phòng GD và ĐT Thị xã Ba Đồn	01.003	7	4,32	
76	Hoàng Thị Hà	30/3/1982	Chuyên viên	Phòng LĐTBXH huyện Quảng Trạch	01.003	4	3,33	
77	Dương Minh Phương	30/5/1983	Chuyên viên	Huyện Quảng Trạch	01.003	2	2,67	
78	Trần Tuấn	23/7/1984	Chuyên viên	Huyện Quảng Trạch	01.003	2	2,67	

(Danh sách này có 78 người)

KV

UAE